

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế, được thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế, được thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 84/TTr-SNN ngày 04 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.





Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm hành chính công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Các PCVP UBND Tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NCKSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Huy





DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ, THAY THẾ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH				
1	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ trình của chủ rừng (bản chính); + Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính). 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.	1. Trình tự thực hiện Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN). Bước 2. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,	Không	1. Căn cứ pháp lý: Điều 14 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. 2. Điều kiện thực hiện TTHC: Không



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Tình tự thực hiện, thời hạn giải quyết		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHTC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; Thời gian: 11,5 ngày làm việc - Hoàn thành tổ chức thẩm định hồ sơ đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Thời gian: 16 ngày làm việc, Bước 4. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án du lịch sinh thái Thời gian: 12 ngày làm việc Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 42 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc;			

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Sở Nông nghiệp và PTNT: 29,5 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 12 ngày làm việc.		
2	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ địa phương quản lý	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ trình của chủ rừng (bản chính); + Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính). 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN). Bước 2. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng	Không	1. Điều kiện thực hiện TTHC: Không 2. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 23 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan Thời gian: 11,5 ngày làm việc - Hoàn thành tổ chức thẩm định hồ sơ đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Thời gian: 16 ngày làm việc Bước 4. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Thời gian: 12 ngày làm việc Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 42 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và PTNT: 29,5 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 12 ngày làm việc.		
3	Quyết định chủ trương mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; + Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; + Văn bản thẩm định	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ông, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan liên quan. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ	tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính). Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, báo cáo UBND cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc - Sở Nông nghiệp và PTNT: 8 ngày làm việc - UBND cấp tỉnh: 3 ngày làm việc Bước 4. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ UBND cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng		hành chính: Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			rừng sang mục đích khác. Chuyển kết quả về Trung tâm hành chính công tỉnh Đắk Nông. Thời gian: 24 ngày làm việc Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc. - TTHC: 0,5 ngày làm việc - Sở NN&PTNT: 8,5 ngày làm việc - UBND tỉnh: 3 ngày làm việc - Thủ tướng chính phủ: 24 ngày làm việc.		
4	Quyết định chủ trương mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh(đối với diện tích rừng đề nghị chuyển đổi mục đích	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; + Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; + Văn bản thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan liên quan. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ông, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuộc chủ rừng là tổ chức)		- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc Bước 4. Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Thời gian giải quyết: 24 ngày làm việc. (UBND cấp tỉnh: 12 ngày làm việc; HĐND cấp tỉnh: 12 ngày làm việc) Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ Hội đồng nhân dân tỉnh, Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công.		Lâm nghiệp.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc. Trong đó: - TTHC: 0,5 ngày làm việc - Sở Nông nghiệp và PTNT: 11,5 ngày làm việc - UBND tỉnh: 12 ngày làm việc - Hội đồng nhân dân tỉnh: 12 ngày làm việc.		
5	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với diện tích rừng đề nghị chuyển đổi mục đích thuộc chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân)	1. Thành phần hồ sơ + Văn bản đề nghị của chủ đầu tư; + Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; + Văn bản thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan liên quan. 2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ 3. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện. - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng/ban chức năng cấp huyện. Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng/ban chức năng cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ chuyển sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính), phòng/ban	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			chức năng cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện cho cá nhân, hộ gia đình điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, phòng/ban chức năng cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện gửi hồ sơ báo cáo UBND tỉnh Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc Bước 4. Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Thời gian giải quyết: 24 ngày làm việc. Trong đó: - UBND tỉnh: 12 ngày làm việc - HĐND tỉnh: 12 ngày làm việc Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện có trách nhiệm trả hồ sơ cho cá nhân, hộ gia đình 2. Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc. Trong đó: - UBND cấp huyện: 12 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 12 ngày làm việc - Hội đồng nhân dân tỉnh: 12 ngày làm việc.		
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG				
6	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị của chủ rừng; + Phương án chuyển loại rừng.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không 2. Căn cứ pháp

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thành lập	2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính). Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh xem xét. Thời gian giải quyết: 11 ngày làm việc. Bước 4. Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển loại rừng. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích		Lý của thủ tục hành chính: Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			sử dụng rừng sang mục đích khác. Thời gian giải quyết: 12 ngày làm việc. Trong đó: - UBND tỉnh: 5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 7 ngày làm việc. Bước 5. Sau khi có quyết định chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh quyết định chuyển loại rừng. Thời gian giải quyết: 12 ngày làm việc. Bước 6. Sau khi nhận được kết quả từ UBND tỉnh, Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc. Trong đó: - TTHC: 0,5 ngày làm việc - Sở Nông nghiệp và PTNT: 11,5 ngày làm việc - UBND cấp tỉnh: 17 ngày làm việc - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 07 ngày làm việc		
7	Phê duyệt án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng là tổ chức	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ trình của chủ rừng đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính(nếu có): Không 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 28/2018/TT-

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền vững; + Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; + Các loại bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018. 2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ;	- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu Sở Nông nghiệp và PTN xem xét, lấy ý kiến các Sở, ngành: Tài nguyên và môi trường, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Công thương về nội dung phương án. - Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững đạt yêu cầu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án. - Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững chưa đạt yêu cầu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Trung tâm Hành chính công thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung, hoàn thiện phương án trong thời hạn 04 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án.		BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền vững.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Thời gian giải quyết: 16 ngày làm việc Bước 4. Sau khi nhận được hồ sơ từ Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và trả kết quả cho chủ rừng. Trường hợp không phê duyệt phương án phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ UBND tỉnh, Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc. Trong đó: - TTHC: 0,5 ngày làm việc - Sở Nông nghiệp và PTNT: 16,5 ngày làm việc - UBND tỉnh: 2 ngày làm việc.		
8	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	1. Thành phần hồ sơ gồm: + Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; + Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống theo	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng nộp 02 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).	Lệ phí: - Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đồng/01 giống; - Công nhận vườn giống là	1. Yêu cầu về điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không. 2. Căn cứ pháp lý thực hiện TTHC: - Điều 12, Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018. 2. Số lượng: 01 bộ hồ sơ. 3. Tên mẫu đơn, tờ khai: - Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.	- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra hiện trường: - Trường hợp kết quả thẩm định cần yêu cầu điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến Hội đồng thẩm định: Chi cục Kiểm lâm thông báo bằng văn bản gửi TTHCC, liên hệ tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ (<i>Trường hợp ngừng xem xét, giải quyết hồ sơ, phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết</i>). - Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Lập báo cáo thẩm định trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thời gian: 12 ngày làm việc. Bước 4. Sau khi nhận được Báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận nguồn giống theo Mẫu số 06 Phụ lục II và Mục B Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; hoặc thông báo bằng văn bản	2.400.000 đồng/01 vườn giống (theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính).	thôn về quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. - Quyết định số

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			đối với trường hợp không công nhận và nêu rõ lý do; chuyển kết quả về TTHCC. - Thời gian: 2,5 ngày làm việc. Bước 5. Sau khi nhận được kết quả từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 17 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Kiểm lâm: 14 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và PTNT: 2,5 ngày làm việc. 3. Cơ quan thực hiện TTHC: - Cơ quan giải quyết: Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan phối hợp: Chuyên gia, Nhà khoa học; các cơ quan quản lý có liên quan. - Cơ quan quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
9	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1. Thành phần hồ sơ: Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018. 2. Số lượng hồ sơ: 01	1. Trình tự thực hiện: - Chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân khai thác (trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác không phải là chủ rừng) nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không. 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 11 Thông tư 27/2018/TT-

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết			Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		bộ.	- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN). Bước 2. Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính). Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) tổ chức thẩm định hồ sơ. Thời gian: 2,5 ngày làm việc Hội đồng thẩm định gồm đại diện: Chi cục Kiểm lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã nơi khai thác. Trường hợp cần thiết, Chi cục Kiểm lâm mời thêm các tổ chức, cá nhân khác. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm là Chủ tịch Hội đồng; Bước 4. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác và lập biên bản thẩm định phương án khai thác; Thời gian: 03 ngày làm việc, Bước 5. Sau khi nhận được biên bản thẩm định, Chi cục Kiểm lâm				BN/NPTNT ngày 16 /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			phê duyệt phương án khai thác khi có tối thiểu 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý, gửi kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do. Thời gian: 01 ngày làm việc Bước 6: Sau khi nhận được kết quả từ Chi cục Kiểm lâm; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc. - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc - Chi cục Kiểm lâm: 7,5 ngày làm việc		
10	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị phê duyệt phương án (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT); + Phương án trồng rừng thay thế (theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người		1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không. 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công; trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, chuyển sang bước 3. Bước 3: Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định: - Trường hợp kết quả thẩm định cần yêu cầu điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến Hội đồng thẩm định: Chi cục Kiểm lâm thông báo bằng văn bản gửi TTTHCC, liên hệ tổ chức, cá nhân điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ (<i>Trường hợp ngừng xem xét, giải quyết hồ sơ, phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết</i>). - Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt và trình Chủ tịch UBND tỉnh. - Thời gian: 15,5 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thực địa, thời gian thẩm định được kéo dài thêm không quá 12 ngày làm việc. Bước 4: Sau khi nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế; hoặc thông báo bằng văn			Lâm nghiệp; - Điều 3 Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do; chuyển trả kết quả về TTHCC. - Thời gian: 8 ngày làm việc. Bước 5: Sau khi nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 26 ngày làm việc <i>(không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ)</i>. Trường hợp cần xác minh thực địa, thời gian thăm định được kéo dài thêm không quá 12 ngày làm việc: - Trung tâm HCC: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và PTNT (Phòng Sử dụng và PTR - Chi cục Kiểm lâm): 17,5 ngày làm việc (trường hợp cần xác minh thực địa, thời gian thăm định được kéo dài thêm không quá 12 ngày làm việc); - UBND tỉnh: 08 ngày làm việc. 3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế, tổ chức khoa học, đơn vị khác có liên quan. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.		
11	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công	1. Thành phần hồ sơ gồm: + Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ đầu tư là các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh điều chỉnh, nộp 05 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Hội	Không	1. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không. 2. Căn cứ pháp

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Phụ lục IV, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. + Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: . Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. . Thiết kế công trình lâm sinh, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, được lập trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000, có lưới tọa độ, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô; thể hiện đường đồng mức, hiện trạng, các vật thể chuẩn (sông	ngập tỉnh, số 01 đường Điều Ông, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. - Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc, Chi cục Kiểm lâm thông báo hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định: - Kết quả thẩm định có 2 trường hợp: + Trường hợp cần yêu cầu điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến Hội đồng thẩm định: Thông báo bằng văn bản gửi TTHCC, liên hệ tổ chức, cá nhân điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ (<i>Trường hợp ngừng xem xét, giải</i>		Lý của TTHC: - Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT, về việc hướng dẫn một số nội dung

Sst	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		suối, đường giao thông, băng cản lửa, trạm bảo vệ rừng,...) và các nội dung hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. . Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. + Các văn bản có liên quan (quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan). 2. Số lượng hồ sơ nộp: 05 bộ hồ sơ.	<i>quyết hồ sơ, phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết).</i> + Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt và trình Chủ tịch UBND tỉnh. - Thời gian: 11,5 ngày làm việc Bước 3. Sau khi nhận được hồ sơ đã thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh; hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do; chuyển trả kết quả về TTHCC. - Thời gian: 4 ngày làm việc Bước 4. Sau khi nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và PTNT: 13,5 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 4 ngày làm việc. 3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; các cơ quan quản lý có liên quan. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	Không	1. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.
12	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công	1. Hồ sơ gồm: - Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ đầu tư là các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh và nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trình làm sinh (đôi với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư).	lục IV, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. - Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: + Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. + Thiết kế công trình lâm sinh, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, được lập trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000, có lưới tọa độ, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô; thể hiện đường đồng mức, hiện trạng, các vật thể chuẩn (sông suối, đường giao	chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điện Ông, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. - Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định: - Kết quả thẩm định có 2 trường hợp: + Trường hợp cần yêu cầu điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến Hội đồng thẩm định: Thông báo bằng văn bản gửi TTHCC, liên hệ tổ chức,		2. Căn cứ pháp lý của TTHC: - Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. - Điều 4, Điều 6, Điều 7 - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thông, bảng cân lửa, trạm bảo vệ rừng,...) và các nội dung hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. + Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. - Các văn bản có liên quan (quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan). 2. Số lượng hồ sơ nộp: 05 bộ hồ sơ.	cá nhân điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ (<i>Trường hợp ngừng xem xét, giải quyết hồ sơ, phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết</i>). + Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt và trình Chủ tịch UBND tỉnh. - Thời gian: 11,5 ngày làm việc Bước 3. Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được hồ sơ đã thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh; hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do; chuyển trả kết quả về TTHCC. - Thời gian: 4 ngày làm việc Bước 4: Sau khi nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời gian giải quyết: 18 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và PTNT: 13,5 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 4 ngày làm việc. 3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; các cơ quan quản lý có liên quan. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	Không	một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.
13	Thủ tục thanh lý rừng trồng không đối với rừng trồng	1. Thành phần hồ sơ gồm: + Tờ trình xin thanh lý rừng trồng không	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ đầu tư xây dựng và nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điều Ong, phường Nghĩa	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuộc địa phương quản lý	thành rừng: 01 Bản chính. + Biên bản xác minh hiện trường có xác nhận của UBND cấp huyện nơi có rừng trồng không thành rừng: 01 Bản chính. + Phương án thanh lý rừng trồng gồm các nội dung sau: (01 Bản chính) . Vị trí, diện tích rừng trồng đề nghị thanh lý và số vốn đã đầu tư. . Hình thức thanh lý và thu hồi lâm sản tận thu phù hợp với loại rừng và điều kiện cụ thể tại địa phương nơi có rừng đề nghị thanh lý. . Dự toán chi phí thanh lý và xử lý lâm sản tận thu (nếu có) khi thực hiện thanh lý rừng trồng. . Phương án quản lý, sử dụng số tiền thu	Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR). Bước 2. - Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công; trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và PTR) tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. + Trường hợp cần thiết: Báo cáo UBND tỉnh, xin ý kiến chỉ đạo thành lập Đoàn kiểm tra, xác minh lại trước khi tham mưu UBND tỉnh		2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/2/2013 hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng rừng, rừng không năng thành rừng.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		được từ lâm sản tận thu. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	quyết định. - Thời gian: 19,5 ngày làm việc. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đã thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lý rừng trồng không thành rừng; hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do; chuyển trả kết quả về TTHCC. - Thời gian: 4 ngày làm việc. Bước 4: Sau khi nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm HCC: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và PTNT: 19,5 ngày làm việc; - UBND tỉnh: 04 ngày làm việc. 3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan. - Cơ quan quyết định: UBND tỉnh Đắk Nông.		
14	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý	1. Thành phần hồ sơ + Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo mẫu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ (đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản) trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công (TTHCC) theo địa chỉ: Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không 2. Căn cứ pháp

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhóm II và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	22/01/2019; + Bản chính phương án nuôi theo mẫu số 06, phương án trồng theo mẫu số 07 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	Điều Ông, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&BTNN). Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&BTNN) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&BTNN) thông báo hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTHTCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý BVR&BTNN) tiến hành cấp mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản. Thời gian giải quyết: 4 ngày làm việc			lý của thủ tục hành chính: Điều 9 và Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng, nguy cấp, quý hiếm và thực thi

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 24 ngày làm việc. Trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên cổng thông tin điện tử của cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam. Bước 4. Sau khi nhận được kết quả từ Chi cục Kiểm lâm, Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc. (Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 24 ngày làm việc). Trong đó: - TTHC: 0,5 ngày làm việc - Chi cục Kiểm lâm: 4,5 ngày làm việc 3. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Kiểm lâm.		
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, HẠT KIỂM LÂM				
1	Xác nhận bảng kê sản	1. Thành phần hồ sơ: + Bản chính bảng kê lâm sản theo mẫu số 01, mẫu số 03, mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên	Không	1. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): - Có - Gõ khai thác từ rừng tự nhiên

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		BNNPTNT ngày 16/11/2018; + Hồ sơ nguồn gốc lâm sản; + Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có) 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ	nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về Hạt Kiểm lâm cấp huyện Bước 2. Hạt Kiểm lâm cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận bằng kê lâm sản hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do; Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại thông báo cho chủ lâm sản. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan Kiểm lâm sở tại tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản; trường hợp phức tạp, việc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản được thực hiện không quá 05 ngày làm việc.	trong nước chưa chế biến. - Thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Phụ lục CITES khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến. - Động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên hoặc gây nuôi trong nước; động vật rừng, sản phẩm của động vật rừng nhập khẩu thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Kết thúc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản, cơ quan Kiểm lâm sở tại lập biên bản kiểm tra lâm sản theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xác minh, cơ quan Kiểm lâm sở tại xác nhận bằng kê lâm sản và chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do. Bước 4. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. 2. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc. - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Hạt Kiểm lâm cấp huyện: 9,5 ngày làm việc. 3. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hạt Kiểm lâm cấp huyện.		Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
2	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp UBND cấp xã quyết định đầu tư)	1. Thành phần hồ sơ gồm: + Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục IV, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. + Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: . Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp UBND cấp xã quyết định đầu tư)	Không	1. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không. 2. Căn cứ pháp lý của TTHC: - Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		được lập theo mẫu tại Phụ lục I, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. Thiết kế công trình lâm sinh, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, được lập trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000, có lưới tọa độ, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô; thể hiện đường đồng mức, hiện trạng, các vật thể chuần (sông suối, đường giao thông, băng cản lửa, trạm bảo vệ rừng,...) và các nội dung hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều	phần Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng/ban chức năng cấp huyện. Bước 2. - Phòng/ban chức năng cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc, phòng/ban chức năng cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, phòng/ban chức năng cấp huyện tổ chức thẩm định: - Sau kết quả thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định cần yêu cầu điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ: Thông báo, hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện, liên hệ tổ chức, cá nhân điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ (<i>Trường hợp ngừng xem xét, giải quyết hồ sơ, phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết</i>). + Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. - Thời gian: 11,5 ngày làm việc. Bước 3. Sau khi nhận được hồ sơ đã thẩm định, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh, hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do; chuyển trả kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện. - Thời gian: 4 ngày làm việc. Bước 4. Sau khi nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân huyện; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện liên hệ, trả kết quả cho các tổ chức theo các hình thức sau:		thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT, về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		5 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. - Các văn bản có liên quan (quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan). 2. Số lượng hồ sơ nộp: 05 bộ hồ sơ.	- Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện. - Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Phòng/ban chức năng cấp huyện: 13,5 ngày làm việc; - UBND huyện: 4 ngày làm việc. 3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan giải quyết: Phòng/ban chức năng cấp huyện. - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan quản lý cấp huyện có liên quan. - Cơ quan quyết định: UBND huyện.		
3	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư).	1. Hồ sơ gồm: + Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục IV, Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT. + Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: . Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh được lập theo mẫu tại Phụ lục I, Thông tư số 23/2016/TT-	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ đầu tư là các tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh; nộp 05 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện chuyển hồ sơ về phòng/ban chức năng cấp huyện.	Không	1. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không. 2. Căn cứ pháp lý của TTHC: - Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		BNNPTNT. . Thiết kế công trình lâm sinh, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, được lập trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000, có lưới tọa độ, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô; thể hiện đường đồng mức, hiện trạng, các vật thể chuẩn (sông suối, đường giao thông, băng cản lửa, trạm bảo vệ rừng,...) và các nội dung hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT. . Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT.	Bước 2. - Phòng/ban chức năng cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 2 ngày làm việc, phòng/ban chức năng cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - UBND cấp huyện cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, phòng/ban chức năng cấp huyện tổ chức thẩm định: - Sau kết quả thẩm định: + Trường hợp kết quả thẩm định cần yêu cầu điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ: Thông báo, hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện/xã, liên hệ tổ chức, cá nhân điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ (<i>Trường hợp ngừng xem xét, giải quyết hồ sơ, phải có ý kiến bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết</i>). + Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Báo cáo kết quả thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. - Thời gian: 11,5 ngày làm việc. Bước 3. Sau khi nhận được hồ sơ đã thẩm định, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh; hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do; chuyển trả kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. - Thời gian: 4 ngày làm việc. Bước 4. Sau khi nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân huyện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện liên hệ, trả kết quả cho các tổ chức theo các hình thức sau: - Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.		Lâm nghiệp; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. - Điều 4, Điều 6, Điều 7 - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Các văn bản có liên quan (quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan). 2. Số lượng hồ sơ nộp: 05 bộ hồ sơ.	- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả). 2. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Phòng/ban chức năng cấp huyện: 13,5 ngày làm việc; - UBND cấp huyện: 4 ngày làm việc. 3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan giải quyết: Phòng/ban chức năng cấp huyện; - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan quản lý có liên quan; - Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.		

Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

Stt	Tên TTHC thay thế	Tên TTHC được thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng là tổ chức	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của các chủ rừng là tổ chức	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: cây trươi; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Phê duyệt khai thác động	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT	Lâm	Chi cục Kiểm lâm

	vật rừng thông thường từ tự nhiên	thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	ngày 15/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	nghị quyết	
		Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý			
5	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm
B Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	Xác nhận bảng kê lâm sản	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tích thu, lâm sản sau chế biến, lâm sản vẫn chuyển nội bộ.	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện

Phần III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẢO

Stt	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ chuyên sang trồng cao su của tổ chức.	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT

3	Thủ tục khai thác chính gỗ rừng tự nhiên				Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Thủ tục cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Thủ tục cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ.		Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Thủ tục cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với rừng phòng hộ			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Thủ tục cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với rừng đặc dụng			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con		Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
11	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
12	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc			Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT

	liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		nghịệp	PTNT
15	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chỉ trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
16	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
17	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
18	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
19	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
20	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
21	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
22	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
23	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước - Phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
24	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc cho thuê rừng trả tiền hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
25	Thủ tục giao rừng đối với tổ chức		Lâm	Sở Nông nghiệp và

			ngành	PTNT
26	Thủ tục cho thuê rừng đối với tổ chức		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
27	Thủ tục chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý.		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
28	Thủ tục cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất (đối với tổ chức và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn thuộc tỉnh quản lý)		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
29	Giao nộp gấu cho nhà nước		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
30	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu		Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT
31	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân		Lâm nghiệp	Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ
32	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn		Lâm nghiệp	Ban quản lý rừng đặc dụng
33	Khoán công việc và dịch vụ công		Lâm nghiệp	Ban quản lý rừng đặc dụng
B	Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	Thủ tục cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
2	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.		Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
3	Thủ tục khai thác rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 về	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện

4	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
5	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng		Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
6	Thủ tục đóng dấu búa kiểm lâm	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
7	Cấp giấy phép vận chuyển gấu		Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
8	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn		Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
9	Cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân.		Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
10	Thủ tục Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân			UBND cấp huyện
11	Thủ tục thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước hoặc cho thuê rừng trả tiền hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	UBND cấp huyện
12	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu.		Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
13	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường		Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
14	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
15	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại		Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm cấp huyện

	trang trại, cây trồng phân tán	nguồn gốc lâm sản		
3	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	UBND cấp xã